

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
Câu hỏi cho Người Nộp đơn

ODP IV :

Date :
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can not read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào Bảng Câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng đầy đủ càng tốt. Nếu Bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ được thì điền bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to :

Gửi Bảng Câu hỏi này về :

Mrs Khuc Minh Thø

PO. Box 5435 Arlington

Va. 22205-0635

U. S. A.

A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Lý lịch căn bản.

1. Name : DANH RÊN ĐÀO RÊN Sex : Male.
Họ tên Phái
2. Other name : Any
Họ tên khác
3. Date/Place of Birth : 1934 at Bảy Ngàn, Cần Thơ Province.
Ngày / Nơi sanh
4. Residence Address : Tân Bình 1 Hamlet, Ngọc Châu Commune, Giồng
Địa chỉ thường trú Rieng District, Kiên Giang Province, VIETNAM
5. Mailing Address : Same as above.
Địa chỉ thư từ
6. Current Occupation : Farmer.
Nghề nghiệp hiện tại

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : married (M), Divorced (D), Widowed (W) or Single (S).)

(CHÚ Ý: Chỉ có vợ/chồng và con còn độc thân mới có thể cùng đi với Bạn. Kể khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	SEX	M.S.	RELATIONSHIP
1. Thị ĐÔNG	Born at Ngọc Châu	F	M	Daughter
2. Đào HỒNG	id	F	S	Son
3. Đào XINH	id	F	S	Son
4. Đào XUYA	id	F	S	Son
5. Thị SÁU	id	F	S	Daughter

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married) divorce decree (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), ID Cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trong danh sách, chúng tôi cần một khai sinh, Hôn thú (nếu đã có gia đình), Giấy ly hôn (nếu đã ly dị), Khai tử của vợ/chồng (nếu là góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà-con sẽ cùng đi với Bạn mà hiện không cùng chung ngụ, xin ghi địa-chỉ của họ trong Phần I bên dưới.)

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Bà con ở ngoại quốc.

	OF MYSELF của tôi	OF MY SPOUSE của vợ/chồng
1. Closest Relative in The U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ	:	:
a. Name Họ tên	:	:
b. Relationship Liên hệ gia đình	:	:
c. Address Địa chỉ	:	:
d. Date of Relative's Arrival in The U.S. Ngày bà con đến Hoa Kỳ	:	:
2. Closest Relative in Other Foreign Countries : Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác	:	:
a. Name Họ tên	:	:
b. Relationship Liên hệ gia đình	:	:
c. Address Địa chỉ	:	:

IV COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) / Danh sách toàn thể gia đình (Sống/Chết).

1. Father Cha	:	Đào SỐC (Dead)
2. Mother Mẹ	:	Thị TEM (Dead)
3. Spouse Vợ/Chồng	:	Thị ĐEN, born in 1941 at Ngọc Chúc Living at the same address.
4. Former Spouse (if any) Vợ/chồng trước (nếu có)	:	Any
5. Children Con cái	:	(1) Thị Đông 23 years old. Former at Ngọc Chúc, KG. (2) Đào Hồng 18 years old. id (3) Đào Minh 9 years old. Living with us at Ng.Chúc (4) Thị Sầu 7 years old. id (5) Đào Xưa 3 years old. id (6) Đào Cu Dead (7) Đào Thành Dead
6. Siblings Anh chị em	:	(1) Đào Lum Dead (2) Đào Xương Dead

E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của Chính Phủ Hoa Kỳ hoặc Hãng Mỹ.

1. Employee Name :
Họ tên nhân viên :
Position Title :
Chức vụ :
Agency/Company/Office :
Sở / Hãng / Văn phòng :
Length of Employment : From: To :
Thời gian làm việc Từ tới :
Name of American Supervisor :
Tên họ Giám Thị Hoa Kỳ :
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
2. Employee Name :
Họ tên nhân viên :
... :
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
3. Employee Name :
Họ tên nhân viên :
... :
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với Chính Phủ Việt Nam.

1. Name of Person Serving : ĐÀO RÊM
Họ tên người tham gia
2. Dates From : 1968 To : 1970
Ngày tháng năm Từ tới
3. Last Rank : Caporal Mil. Serial No. : 67/371.176
Cấp bậc cuối cùng Số quân
4. Ministry/Office/Mil. Unit : Para 2nd Battallion.
Bộ/Sở/Đơn vị binh chủng
5. Name of Supervisor / C.O.:
Họ tên G. thị/SQ chỉ huy
6. Reason for Separation : Captured in 1970 when jumped down onto
Lý do nghỉ việc Ho Chi Minh Path.
7. Names of American Advisor(s)
Tên họ Cố vấn Hoa Kỳ :
8. U.S. Training Courses in Việt Nam :
Các khoá huấn luyện của Hoa Kỳ tại Việt Nam
9. U.S. Awards or Certificates
Name of Award Date received :
Phân thưởng/Giấy khen Ngày nhận

(NOTE : Please note any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available ? Yes : No : .)

(CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo bất cứ Văn bằng, Giấy ban khen hoặc chứng thư, nếu có. Bạn có không? Có : Không : .)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã được huấn luyện ở ngoại quốc.

1. Name of Student/Trainee :
Họ tên sinh viên/người thụ huấn
2. School and School Address :
Trường và địa chỉ trường
3. Dates : From : To :
Ngày tháng Năm Từ tới
4. Description of Courses :
Mô tả ngành học
5. Who paid for training ?
Ai đài thọ chương trình huấn luyện

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available.
Available ? Yes : No : .)

(CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo Văn bằng hoặc chỉ thị, nếu có. Bạn có không ? Có : Không : .)

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo.

1. Name of Person in Re-Education : ĐÀO RÊN
Họ tên người học tập cải tạo
2. Time in Re-Education : From : 1970 To : 1983
Thời gian học tập cải tạo Từ tới
3. Still in Re-Education ? Yes : No : No
Còn học tập không ? Còn Không

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại của Bạn.)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS? / Cuộc chủ phụ thuộc ?

I cannot remember exactly the day I was captured as well as where I was 're-educated'. I can remember only my unit were captured when we jumped down onto Ho Chi Minh Path.
I was 're-educated' 5 years and after that they still hold me in the region around until 1983.

I wish I could joint my friends in The U.S. with my family.

Signature : *Đào Rên* Date :
Ký tên Ngày

J. ALL DOCUMENTS ENCLOSED / Tất cả hồ sơ đính kèm.

None. Because of lost.

Số: 185 /ĐX

QUYẾT ĐỊNH THA TRƯỚC THỜI HẠN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Để thể hiện chính sách khoan hồng đối với những phạm nhân đã thành thật ăn năn hối cải, và cải tạo tốt.

Căn cứ vào quyết định ngày 26 tháng 8 năm 1985 của Hội-Đồng Đặc-xá tỉnh Kiên Giang xét đặc xá trong dịp Lễ Quốc khánh 2/9/1985

Xét phạm nhân Phạm Bình Minh bí danh

Sinh năm 1924 tại

Xử phạt 5 năm tù giam

từ ngày

đến ngày

Bản án

số

ngày

của Tòa-Án

Đã thực thả hồi cải và cải tạo tốt trong thời gian cải tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Tha cho Phạm Bình Minh
trước thời hạn về làm ăn sinh sống.

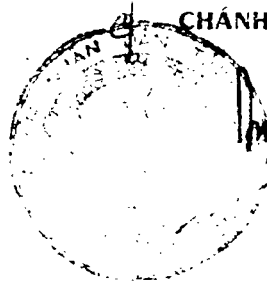
Điều 2: Khi trở về địa phương phải chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của chính quyền địa phương.

Điều 3: Ban Giám thị trại giam tỉnh Kiên Giang có nhiệm vụ thi hành quyết định này.

Nơi gửi:

- Ban Giám thị trại giam Tỉnh
- Viện Kiểm-Sát Nhân-Dân Tỉnh
- Sở Công-An
- Tỉnh Kiên-Giang
- Đường sá
- Lưu.

Kiên Giang, ngày 27 tháng 8 năm 1985
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
CHÁNH ÁN



Xác nhận

Quyết định trao thưởng tuổi
hạn và độ cơ đến Công An xã
Trình giấy tờ đủ thật -

Tên Bình thành ngày 7/10/85

TM/CAHD xã

P. Trưởng Công An

1m

Huỳnh Minh Thành

From: ĐÀO RÊN

Xã Tân Bình 1

Xã Ngọc Chúc, Giồng Riềng

T Kiên Giang

VIỆT NAM

R

7 3 1



19050

MÁY BAY
PAR AVION

JAN 9 1990

TO : MRS KHUC MINH THO
PO. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635
U. S. A.

36 gr = 19.050 *



Đào Rền
nam Sinh

1934

Đỗ Thị Đen
Sinh nam 1947
